

Ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu tới nông nghiệp Việt Nam – một số đánh giá bước đầu

Tác giả : TS Chu Tiến Quang,
Trưởng ban Chính sách phát triển nông thôn,
Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương

I. Một số khái quát chung về khủng hoảng tài chính toàn cầu và ảnh hưởng của nó tới kinh tế Việt Nam

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu lần này bắt đầu từ khủng hoảng tài chính - tiền tệ tại Mỹ, diễn ra từ giữa năm 2008 và lan rộng rất nhanh sang các lĩnh vực khác của kinh tế và tới nhiều nước. Cuộc khủng hoảng phản ánh rõ sự bất cập của các học thuyết kinh tế tân tự do, sự bất lực của bàn tay Nhà nước trong điều hành kinh tế vĩ mô và phản ánh sự lệ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế trong một thế giới toàn cầu hóa. Nguyên nhân của cuộc khủng hoảng đã có nhiều kiến giải khác nhau, song tập trung vào các điểm sau đây:

(1) Sự gia tăng các rủi ro không kiểm soát được trên thị trường tài chính cùng với tín dụng dưới chuẩn vào thị trường bất động sản không được kiểm soát từ phía Nhà nước;

(2) Sự khiếm khuyết, yếu kém của hệ thống ngân hàng chủ chốt trên thế giới đã làm cho chúng mất khả năng kiểm soát đối với các hiệu ứng domino.

(3) Mâu thuẫn gay gắt giữa quá trình toàn cầu hóa kinh tế với quyền lợi của các tập đoàn tư bản, nhất là các tập đoàn tài chính lớn trong mục tiêu tối đa lợi nhuận, lũng đoạn các nền kinh tế và dẫn tới khủng hoảng.

Thuộc nhóm các nước có nền kinh tế đang phát triển quy mô nhỏ bé, nhưng đang hội nhập sâu, rộng vào kinh tế khu vực và thế giới, nền kinh tế Việt Nam đã và đang chịu tác động sâu sắc của khủng hoảng tài chính toàn cầu với độ mở cao về xuất, nhập khẩu và thu hút vốn FDI (chiếm trên 27% về vốn đầu tư xã hội và từ 55 đến 70% tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu), nên khi khủng hoảng nổ ra, nền kinh tế Việt Nam đã lập tức rơi vào suy giảm,

mức tăng trưởng giảm từ trên 7% năm 2008 xuống còn 3,1% vào quý I-2009.

Tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu đối với hoạt động xuất khẩu của Việt Nam thể hiện trên những khía cạnh sau:

Thứ nhất. Nhu cầu nhập khẩu toàn cầu bị thu hẹp mạnh do nhu cầu tiêu dùng và khả năng thanh toán tại các thị trường chủ lực sụt giảm, ảnh hưởng xấu đến tiêu thụ các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là đối với một số ngành sản phẩm có giá trị xuất khẩu lớn như dệt may, da giày, nhựa, gạo, cà phê và thủy sản..

Thứ hai. Giá cả hàng hóa trên phạm vi toàn cầu giảm khiến cho lợi thế về giá xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2008 cũng giảm theo. Xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản đều gặp khó khăn về giá giảm.

Thứ ba. Số vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp tăng lên ở các nước nhập khẩu. Họ quan tâm hơn đến việc giành lại thị trường nội địa cho các doanh nghiệp trong nước, tìm mọi cách để loại trừ sản phẩm nhập khẩu.

II. Bức tranh về ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu tới nông nghiệp¹ Việt nam

Đánh giá bước đầu về ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu tới ngành nông nghiệp Việt Nam được xem xét trên một số khía cạnh sau:

2.1. Ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng

Tăng trưởng nông nghiệp trong thời gian qua là chỉ số tổng hợp nhất phản ánh tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu như thế nào. Kết quả tính toán của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương từ số liệu của TCTK Việt Nam cho thấy tăng trưởng tăng trưởng của khu vực nông nghiệp trong 5 năm trở lại đây như sau :

Biểu số 1. Tăng trưởng GDP các ngành trong nhóm nông nghiệp

Đơn vị :%

(1)	Trước khủng hoảng			Trong và sau khủng hoảng	
	(2)			(3)	
Ngành	2005	2006	2007	2008	2009

¹ Nông nghiệp mở rộng bao gồm: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản

1. Tăng trưởng GDP toàn nền KT	8,4	8,2	8,5	6,2	5,3
2.Toàn khu vực nông nghiệp (KV I)	4,0	3,7	3,8	4,1	1,8
3. Riêng nông nghiệp thuần	3,2	3,1	2,7	3,9	1,3
4. Riêng lâm nghiệp	0,9	1,4	1,4	1,4	3,5
5. Riêng thủy sản	10,7	7,8	10,6	5,4	4,3

Nguồn : Viện NCQLKTTW, Dự thảo báo cáo Kinh tế

VN năm 2009.

Biểu trên cho thấy ngay tăng trưởng toàn nền kinh tế và khu vực nông nghiệp đã chịu ảnh hưởng tương đối rõ của khủng hoảng tài chính toàn cầu, cụ thể là:

- Tăng trưởng toàn nền kinh tế đã giảm từ trên 8% trước khủng hoảng xuống 6,2 vào năm 2008 và còn 5,3% vào năm ngoái, một mức đáng kể trong thời gian ngắn ;

- Tăng trưởng khu vực nông nghiệp giảm từ 4% năm 2005 xuống 3,8% vào năm trước khủng hoảng (2007), nhưng lại tăng trên 4,1% đúng vào năm bắt đầu khủng hoảng (2008), nhưng đã giảm trên một nửa vào năm ngoái (còn 1,8%). Động thái này phản ánh tính chậm trễ hơn của ảnh hưởng khủng hoảng đến khu vực nông nghiệp, nhưng nhìn chung là mức ảnh hưởng cũng không nhỏ;

- Trong 3 ngành của khu vực là nông nghiệp thuần (trồng trọt, chăn nuôi), lâm nghiệp và thủy sản thì thủy sản là ngành chịu tác động nhanh và mạnh nhất, (tăng trưởng GDP ngành giảm từ trên 10% xuống 5,4% ngay trong năm 2008 và tiếp tục giảm còn 4,3% vào năm 2009; ngành nông nghiệp thuần chưa giảm vào năm 2008, nhưng giảm hơn một nửa mức tăng trưởng vào năm 2009 so với 2007, phản ánh sự chậm trễ của ảnh hưởng; ngành lâm nghiệp có vẻ không chịu ảnh hưởng xấu của khủng hoảng, giữ mức tăng trưởng 1,4% trong suốt 4 năm 2005-2008, và lại tăng lên 3,5% vào năm 2009.

2.2. Ảnh hưởng tới xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp

Với lợi thế tự nhiên của mình, nông nghiệp Việt Nam có nhiều tiềm năng về sản xuất lúa gạo, cây công nghiệp, thủy sản...vì vậy trong những năm vừa qua nông nghiệp Việt Nam đã hội nhập sâu, rộng vào thị trường nông nghiệp toàn cầu với nhiều mặt hàng nông sản như gạo, cà phê, cao su, chè, điều, tiêu, thủy sản được xuất khẩu sang thị trường nhiều nước với khối lượng ngày càng tăng và thị phần ngày càng lớn. Các mặt hàng như gạo, cà phê, tiêu...đã chiếm vị trí hàng đầu trong các nước xuất khẩu

Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính, xuất khẩu các mặt hàng nông sản nói trên đã có những biến động không thuận với mức độ khác nhau. Cụ thể

Biểu số 2. Xuất khẩu gạo, cà phê, cao su, hạt điều nhân, hạt tiêu

Đơn vị: 1000 tấn; Triệu USD

Sản phẩm (1)	2006 (2)	2007 (3)	2008 (4)	2009 (5)
1. Gạo – khối lượng - Giá trị	4642,0 1275,9	4580,0 1490,2	4714,9 2894,4	5947 2662,0
2. Cà phê – khối lượng - Giá trị	980,9 2117,2	1213,1 1916,7	1059 2111,2	1168 1710
3 Cao su – khối lượng - Giá trị	703,6 1286,4	715,6 1393,8	658,3 1603,6	726 1199
5.Điều nhân - khối lượng - Giá trị	127,7 503,9	154,7 645,1	165,3 911,0	177 849
6. Hạt tiêu – khối lượng - Giá trị	114,8 186,5	83,0 271,5	90,3 311,2	137 356

Nguồn: NGTK 2008, 2009

Biểu trên cho thấy, phần lớn khối lượng và giá trị xuất khẩu các sản phẩm chính của nông nghiệp đều tăng trong 3 năm trước khủng hoảng (2006-2008), trong đó:

- Gạo tăng mạnh nhất về giá trị xuất khẩu trong 3 năm trước khủng hoảng với kim ngạch xuất khẩu tăng gấp đôi vào năm 2008 (đạt gần 2,9 tỷ USD) so với năm 2007, trong điều kiện khối lượng xuất khẩu tăng không đáng kể, có được điều này là do giá gạo trên thị trường thế giới đã tăng mạnh trong cuối năm 2007 và những tháng đầu năm 2008, sau đó có giảm xuống một chút, nhưng vẫn duy trì ở mức cao². Nhưng sang năm 2009 thì giá gạo xuất khẩu đã giảm mạnh

- Sản phẩm cà phê tăng về khối lượng xuất khẩu nhưng giảm mạnh về giá trị xuất khẩu cũng do giảm giá vào cuối năm 2008 và đầu năm 2009. Nếu năm 2006 kim ngạch xuất khẩu cà phê đạt trên 2 tỷ USD, năm 2007 giảm xuống 1,9 tỷ rồi trở lại trên 2 tỷ vào năm 2008, thì năm 2009 đã giảm còn 1,7 tỷ trong khi khối lượng xuất khẩu vẫn tăng, điều này cho thấy hiệu quả xuất khẩu giảm.

- Cao su cũng là sản phẩm đã gia nhập sâu rộng vào thị trường thế giới từ nhiều năm qua. Số liệu trên cho thấy, giá trị xuất khẩu cao su đã tăng từ trên 1,28 tỷ USD lên trên 1,6 tỷ USD (tăng 25%) vào năm 2008 với khối lượng xuất khẩu giảm từ trên 700 ngàn tấn xuống còn trên 650 ngàn tấn, nhưng đến năm 2009 thì kim ngạch xuất khẩu giảm mạnh còn khoảng 1,2 tỷ, trong khi khối lượng xuất khẩu tăng trên 67 ngàn tấn. Khủng hoảng tài chính toàn cầu đã làm giảm nhu cầu tiêu thụ cao su, từ đó làm giảm mạnh giá tiêu thụ cao su, từ đó làm giảm giá cao su trong nước và ảnh hưởng xấu tới thu nhập của người sản xuất trong ngành này.

- Các sản phẩm khác như: hạt điều, tiêu vẫn tăng về giá trị xuất khẩu, nhưng không nhiều do quy mô xuất khẩu còn nhỏ.

2.3. Ảnh hưởng tới tỷ giá giữa VNĐ với USD.

Khủng hoảng tài chính đã thúc đẩy các nước là đối thủ xuất khẩu nông sản của Việt Nam như: Thái Lan, Malaysia, Ấn Độ, Braxin, Colombia...đua nhau phá giá đồng tiền nội địa của họ, với mức từ 13% đến 33% để khuyến khích xuất khẩu, trong khi Đồng Việt Nam (VNĐ) chỉ giảm 5% nên sản phẩm nông sản của họ đã cạnh tranh mạnh với hàng nông sản cùng loại của

² Chẳng hạn gạo 10% tằm của VN đã tăng từ 305 USD/ tấn trong năm 2007 lên 590 USD /tấn vào 6 tháng đầu năm 2008- tăng 94% (nguồn: báo cáo thường niên nông nghiệp 2008 và triển vọng 2009- Agroinfo)

Việt Nam trên thị trường quốc tế. Cụ thể về phá giá đồng tiền một số nước như sau

Biểu số 3. Thay đổi tỷ giá của một số đồng tiền so với USD

Tiền các nước (1)	Tỷ giá thời điểm 30/10/2008 (2)	Tỷ giá thời điểm thấp nhất trong 1 năm lại đây (3)	Mức phá giá (%) (4)
1. USD/ EU	0,77	0,63	23,2
2. USD/ Brazil Real	2,1	1,6	31,9
3. USD/ Thai Baht	34,8	29,7	17,2
4. USD/India Rupee	48,5	40,0	21,3
5.USD/ Malaysia Riggít	3,6	3,2	12,7
6. USD/ Indonesia Rupua	10748	9000	19,4
7. USD/ Colombia Peso	2366	1780	32,9
8. USD/ Việt nam đồng	16800	15900	5,7

Nguồn :Agroinfo, Báo cáo nông nghiệp năm 2008 và triển vọng 2009

Rõ ràng là các đồng tiền của một số nước trong biểu trên đã phá giá thấp nhất từ 12,7% (Malaysia Riggít) tới mức cao nhất là 32,9% (Colombia Peso), trong khi đồng Việt Nam phá không đáng kể (5,7%), làm cho sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam giảm trên thị trường quốc tế

2.4. Các ảnh hưởng của khủng hoảng tới thị trường trong nước

2.4.1. Giảm giá các sản phẩm xuất khẩu trên thị trường nội địa .

Giá tiêu thụ hầu hết các mặt hàng nông sản xuất khẩu giảm trên thị trường nội địa vào Quý hai năm 2008. Chẳng hạn giá cao su RSS2 đã giảm từ đỉnh cao 58 triệu VNĐ/tấn xuống còn 30 triệu VNĐ tấn; giá cà phê Robusta giảm từ 1903 USD/tấn xuống còn 1768 USD/tấn... làm thất vọng người sản xuất nông nghiệp Việt Nam. Đánh giá của Bộ NN và PTNT cho thấy lý do giảm vì:

- Các thị trường nhập khẩu quan trọng như Hoa kỳ, EU, Trung Quốc có sức tiêu thụ lớn nhất các hàng nông sản của Việt Nam đã giảm các hợp

đồng nhập khẩu nông sản từ Việt Nam, làm cho hàng bị ứ đọng tại thị trường trong nước và các nhà xuất khẩu phải tính đến tiêu thụ trong nước với giá thấp hơn;

- Khả năng thanh toán của các bên nhập khẩu bị hạn chế, nhiều chuyển hàng bị tồn đọng ở các hải cảng Mỹ và một số nước vì các đối tác không mở được LC cũng làm cho nông sản trở nên dư thừa quá lớn trên thị trường nội địa, buộc giá tiêu thụ phải giảm.

2.4.2. Ảnh hưởng làm tăng giá vật tư đầu vào của sản xuất nông nghiệp

Trong điều kiện bình thường thì thị trường vật tư nông nghiệp vẫn giao động theo hướng tăng do chi phí sản xuất các loại vật tư tăng, nhưng khủng hoảng tài chính trong năm 2008 đã làm cho sự tăng giá vật tư đầu vào của nông nghiệp tăng đột biến, bất thường gây nhiều khó khăn đối với người sản xuất. Số liệu sau phản ánh cụ thể tình trạng này,

Biểu số 4. Giá các loại phân bón trên thị trường trong nước năm 2008

Tháng của năm 2008 (1)	DAP VNĐ/kg (2)	NPK đầu trâu VNĐ/kg (3)	NPK N. khẩu USD/ Tấn (4)
Tháng 1	10.800	9190	383
Tháng 5	25.000	14.488	597
Tháng 6	24.714	14.937	585
Tháng 8	23.000	14.716	731
Tháng 9	21.214	14.200	817
Tháng 11	18.075	13.531	782

Nguồn Tổng cục Hải quan, Agrodatab

Các loại phân bón DAP, NPK đầu trâu và NPK nhập khẩu là những loại vật tư phổ dụng đối với sản xuất nông nghiệp của Việt Nam. Số liệu trên cho thấy, người nông dân đã phải đối mặt với sự tăng đột ngột giá mua các loại vật tư này trong những tháng cuối năm 2008 vừa qua. Thời điểm tăng cao nhất đối với từng loại có khác nhau:

- Phân DAP tăng mạnh vào tháng 5, đạt 25.000 VNĐ/kg, cao bằng hơn 2 lần so với tháng 1;

- Phân NPK đầu trâu tăng mạnh vào tháng 7 đạt 15.600 VNĐ/kg, bằng 1,6 lần so với tháng 1;
- Phân NPK nhập khẩu tăng mạnh vào tháng 9, đạt 871 USD/tấn, bằng 2,74 lần so với tháng 1.

Rõ ràng là người nông dân đã phải chịu thua thiệt rất nhiều nếu họ buộc phải mua các loại phân bón trên đây vào Quý II và III năm 2008.

Sự tăng giá đột ngột phân bón chỉ là một trong những tăng giá vật tư nông nghiệp, các loại vật tư khác cũng tăng trong những tháng cuối năm 2008, tạo ra gánh nặng rất lớn cho sản xuất nông nghiệp vào mùa vụ này. Nếu đi sâu phân tích sẽ thấy người nông dân bị thiệt hại như thế nào từ ảnh hưởng khủng hoảng tài chính toàn cầu

2.5. Ảnh hưởng tới đầu tư và tín dụng đối với sản xuất nông nghiệp.

2.5.1. Ảnh hưởng tới đầu tư.

Những phân tích trên đây đã cho thấy, khủng hoảng tài chính toàn cầu đã tác động tiêu cực đến thị trường tiêu thụ nông sản, nghĩa là hạn chế năng lực tiêu thụ các sản phẩm này trên thị trường và làm cho việc tiêu thụ gặp khó khăn, ách tắc. Ách tắc trong tiêu thụ dẫn đến hiệu quả kinh doanh thấp, hạn chế động lực đầu tư cũng như việc huy động vốn xã hội đầu tư vào sản xuất nông nghiệp. Cụ thể như sau

a. Đầu tư của các doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn. Ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế đến sự phát triển của các DN đầu tư vào nông nghiệp thể hiện trên những nét chính sau:

- Khoảng 30% DN trong nông thôn phải ngừng hoạt động, giảm đầu tư
- Hơn 80% các làng nghề giảm sản xuất, khoảng 5,0 triệu lao động của các làng nghề tạm thời nghỉ việc vào cuối năm 2008 và đầu năm năm 2009.

Theo Hiệp hội các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam, tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu đã làm phân hóa các doanh nghiệp thành 3 nhóm sau:

Nhóm 1: Gồm các doanh nghiệp bị tác động mạnh, đang hết sức khó khăn, bị phá sản hoặc đứng trước nguy cơ phá sản, số này có thể chiếm đến

20% tổng số doanh nghiệp. Nhóm này bao gồm các doanh nghiệp có quy mô khá, đã đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, có sử dụng vốn vay ngân hàng.

Nhóm 2: Gồm các doanh nghiệp đang ở trong tình trạng khó khăn, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Số lượng các doanh nghiệp thuộc nhóm này có thể lên tới 60% tổng số doanh nghiệp. Khủng hoảng tài chính làm cho các doanh nghiệp này không kiểm soát được chi phí sản xuất, mất thị trường, không có đủ vốn để duy trì sản xuất...

Nhóm 3: Gồm những doanh nghiệp bị tác động nhẹ, vẫn có cơ hội phát triển, số này khoảng 20%. Nhóm này là những doanh nghiệp đứng đầu bởi những doanh nhân có kiến thức, kinh nghiệm và đặc biệt là có bản lĩnh cao trong kinh doanh.

b. Đầu tư của các doanh nghiệp có vốn nước ngoài (FDI) vào nông nghiệp

Trong những năm trước khủng hoảng tài chính, vốn FDI đầu tư vào nông nghiệp đã rất thấp, khủng hoảng tài chính đã làm cho dòng vốn này tiếp tục giảm trong năm 2008 và năm 2009 từ 1,41% vào năm 2006 xuống còn 0,35% vào năm 2008 và 0,4% vào năm 2009. Số dự án có vốn FDI đầu tư vào nông nghiệp vào năm 2008 giảm còn 45 dự án, chiếm tỷ lệ 3,42% số dự án và 0,42% vốn đã đăng ký

c. Tín dụng của Nhà nước đối với sản xuất nông nghiệp

Một trong những lĩnh vực mà khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã tác động mạnh, tạo ra phản ứng chính sách tức thời của Chính phủ, đó là lĩnh vực tín dụng. Ở Việt Nam tín dụng cho sản xuất nông nghiệp trong nhiều năm qua chủ yếu dựa vào kênh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, có chi nhánh tới địa bàn huyện trong cả nước, tuy nhiên ngân hàng này chưa bao giờ đáp ứng được nhu cầu vốn vay của nông dân và những tác nhân hoạt động trong nông nghiệp, hoặc có liên quan tới nông nghiệp. Trong điều kiện đó, ngân hàng vẫn mở rộng cho vay các lĩnh vực phi nông nghiệp với tỷ trọng đáng kể về dư nợ. Sự tham gia của các ngân hàng thương mại khác vào tín dụng nông nghiệp là không nhiều, vì vậy nông dân luôn thiếu vốn để đầu tư

Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2009 về hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất - kinh doanh, tổng số tiền đã giải ngân đạt hơn 200.000 tỷ VNĐ, bằng 30% so với kế hoạch hỗ trợ lãi suất trong 8 tháng (từ tháng 2 đến hết tháng 9-2009). Nhưng đáng nói là số nông dân được vay vốn của chương trình này rất nhỏ, chỉ chiếm khoảng 3% tổng số tiền các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng đã giải ngân.

Trong bối cảnh đó, Thủ tướng Chính phủ lại quyết định tung ra gói kích cầu nông nghiệp bằng Quyết định số 497/ QĐ-TTG ngày 17/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ Theo Quyết định này Chính phủ sẽ hỗ trợ lãi suất để nông dân vay vốn của các tổ chức tín dụng đầu tư vào mua sắm thiết bị, vật tư sản xuất và tự xây nhà ở. Quyết định này đã khiến người nông dân phấn khởi, nhưng khi triển khai thì vướng nhiều thủ tục mà nông dân khó hoặc không thể vượt qua, nên rất ít nông dân tiếp cận được nguồn vốn này.³

Có thể nói, khủng hoảng tài chính đã ảnh hưởng nhất định đến thị trường vốn tín dụng nông nghiệp, làm tăng khó khăn trong tiếp cận của nông dân tới nguồn vốn của các tổ chức tín dụng

III. Một số giải pháp hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của khủng hoảng tài chính toàn cầu tới nông nghiệp Việt nam.

Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của khủng hoảng tài chính tới sản xuất, xuất khẩu và tiêu thụ nội địa các sản phẩm nông nghiệp, từ kinh nghiệm thực tiễn thời gian qua đề nghị triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

3.1. Các giải pháp đối với người sản xuất nông nghiệp

³ Có nhiều nguyên nhân dẫn đến nông dân khó tiếp cận chính sách hỗ trợ lãi suất của Chính phủ. Trước hết là do địa bàn nông thôn rộng lớn, số lượng khách hàng đông, món vay nhỏ, tài sản giá trị nhất của nông dân là “sổ đỏ” thì đã “nằm” hết ở ngân hàng; số lượng và mật độ phân bố các tổ chức tín dụng quá ít. Hơn 980 quỹ tín dụng nhân dân không được giao thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất. Ngân hàng Chính sách xã hội cũng không được giao thực hiện chính sách kích cầu hỗ trợ lãi suất. Ngay cả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, với trên 2.200 chi nhánh và phòng giao dịch, trong đó 70% ở nông thôn, tuy nhiên bình quân 3-4 xã mới có một điểm giao dịch của ngân hàng này nên cũng không cho vay theo chính sách này. Hơn nữa, ngân hàng chỉ được cho vay vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh, không cho vay tiêu dùng. Người vay chỉ được đầu tư vốn lưu động, ngắn hạn, trong khi nhu cầu vốn cho mua trâu, bò, lợn, xây chuồng trại, đào ao thả cá, cải tạo vườn, trồng cây lâu năm, đầu tư cơ sở chế biến, xây kho tàng thu mua và dự trữ nông sản, vật tư và thức ăn chăn nuôi, sửa chữa nhà ở, mua sắm phương tiện vận chuyển, mua xe máy vừa phục vụ cho cuộc sống và công việc làm ăn, trang bị phương tiện sản xuất đều có thời gian phải vay từ trên 12 tháng và đây là những nhu cầu vay lớn ở nông thôn thì lại nằm ngoài phạm vi đối tượng được vay theo Quyết định này.

Thứ nhất, triển khai rộng và thường xuyên các chương trình thông tin dự báo khách quan về những biến động của thị trường nông sản toàn cầu và thị trường những nông sản mà nông nghiệp Việt nam tham gia tới các vùng nông nghiệp hàng hóa tập trung.

Giải pháp này giúp cho người nông dân và doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp biết trước những nguy cơ xấu có thể xảy ra bất cứ lúc nào trong quá trình sản xuất và tiêu thụ để quyết định trước mỗi vụ sản xuất. Đây là công việc của các cơ quan nhà nước liên quan các hiệp hội ngành hàng nông sản Việt Nam. Nhà nước và các Hiệp hội cần hợp tác xây dựng các chương trình thông tin thật cụ thể tới từng khu vực sản xuất và nắm bắt ý kiến phản hồi của nông dân và các doanh nghiệp.

Ngân sách nhà nước cần chi 100% kinh phí và đủ để triển khai các công việc này.

Thứ hai, tiến hành điều tra, rà soát và xác định lại quy hoạch vùng sản phẩm nông nghiệp trong cả nước.

Đây là giải pháp cơ bản tạo cơ sở để triển khai có kết quả các giải pháp khác. Kết quả thống kê về năng suất, chất lượng các sản phẩm nông nghiệp trên mỗi vùng và cả nước là chưa rõ ràng và chưa đầy đủ, vì vậy chưa trả lời được câu hỏi: ở mức năng suất nào trở lên thì người nông dân sẽ có thu nhập tối ưu, đủ sống và đầu tư phát triển lâu dài.

Chỉ báo về năng suất tối ưu đối với từng loại cây trồng và ở từng vùng sẽ là cơ sở tốt nhất để các trang trại, hộ nông dân quyết định việc đầu tư thâm canh vườn cây hiện có hay chuyển đầu tư mới có hiệu quả hơn.

Kết quả rà soát còn là cơ sở dữ liệu để Chính phủ điều chỉnh lại quy hoạch phát triển các sản phẩm nông nghiệp theo vùng trong cả nước trong dài hạn và cụ thể hoá về đất đai tối đa giành cho phát triển từng loại cây trồng này ở từng tỉnh.

Thứ ba, tiến hành cắt bỏ nhanh các diện tích cây trồng già cỗi, chất lượng xấu và những diện tích không phù hợp điều kiện tự nhiên để cho năng suất cao, chất lượng phù hợp nhu cầu thị trường.

Trong những năm vừa qua, chính sách nông nghiệp của Việt Nam đã hướng mạnh vào khuyến khích, thúc đẩy mở rộng diện tích gieo trồng nên kết quả là chúng ta đã có nhiều thành tích về gia tăng diện tích trồng trọt và

khối lượng hiện vật. Ngành thống kê nông nghiệp Việt Nam chủ yếu liệt kê số liệu những tiêu về hiện vật mà bỏ qua đánh giá về đánh giá về giá trị sản xuất, giá trị gia tăng tạo ra trên mỗi diện tích trồng trọt, chăn nuôi nên chưa hỗ trợ hữu hiệu cho việc phân tích hiệu quả sản xuất.

Trên thực tiễn, phát triển nông nghiệp Việt Nam chưa dựa trên tính toán hiệu quả cuối cùng và chưa tính đến những tác động xấu của thị trường khi gia tăng sản xuất, việc chọn giống, chọn nơi trồng, nơi chăn nuôi còn rất tùy tiện.

Trong nhiều trường hợp, các chương trình mục tiêu do Chính phủ khởi xướng về phát triển nông nghiệp mang nặng tính chất giải ngân vốn ngân sách đã được Chính phủ phê duyệt, bỏ qua các điều kiện nghiêm ngặt về đòi hỏi sinh học của cây trồng, vật nuôi

Do đó, trong điều kiện mới của thị trường nông nghiệp, Chính phủ cần chỉ đạo các ngành liên quan xác định lại mục tiêu phát triển nông nghiệp gắn với biến động thị trường và phòng ngừa những rủi ro, thất bại của thị trường có thể xảy ra từ nhiều nguyên nhân để có biện pháp ổn định sản xuất. Cần chú trọng hướng tới nông nghiệp chất lượng cao.

Giải pháp này sẽ giúp người sản xuất né tránh được những rủi ro từ ảnh hưởng xấu của thị trường, từ đó giảm bớt tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính và những tác nhân khác

Thứ tư, thực hiện các chính sách nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp, gồm:

+ Chính sách đất nông nghiệp cần hướng tới hình thành vùng sản xuất có quy mô tối ưu đối với mỗi hộ nông dân và trang trại;

+ Chính sách đầu tư và tín dụng: Nhà nước tiếp tục tăng vốn ngân sách đầu tư vào hạ tầng cơ bản cho các vùng nông nghiệp tập trung, có sản lượng hàng hóa cao, theo yêu cầu của sản xuất hàng hóa hiện đại (đường giao thông, hệ thống xử lý sau thu hoạch và chế biến, bảo quản nông sản hàng hóa);

Chính phủ đưa ra các chỉ báo về tập trung vốn cho vay vào các vùng nông nghiệp để các ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư phát triển xem xét các dự án do nông dân và doanh nghiệp đề xuất đúng theo quy hoạch, đủ nhu cầu của sản xuất hàng hóa. Các khoản tín dụng của ngân hàng

cho hộ nông dân, trang trại và doanh nghiệp phải hướng tới thực hiện quy hoạch sản xuất nông nghiệp mà Chính phủ đã phê duyệt.

Kết hợp chặt chẽ giữa trách nhiệm của Chính phủ trong quy hoạch các vùng nông nghiệp với chức năng cho vay của các ngân hàng và tổ chức tín dụng nông nghiệp

Đối với chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn theo Quyết định 497/QĐ-TTg Chính phủ cần chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn và tổ chức triển khai phù hợp hơn đối với tính chất sinh học của sản xuất nông nghiệp và thực tế về thị trường các loại vật tư, tư liệu đầu vào của lĩnh vực này.

+ Về chính sách thị trường và tiêu thụ nông sản:

Chính phủ cần tiếp tục có giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy công cụ hợp đồng giữa các chủ thể trong cung ứng đầu vào, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, thu mua, chế biến thành các chuỗi nông sản bền vững.

Cung cấp thông tin thị trường, giá cả theo tuần và tháng cho các vùng sản xuất nông nghiệp

Xây dựng hệ thống chợ đầu mối và chợ nông thôn; hỗ trợ miễn phí xúc tiến thương mại và lãi suất tín dụng vay mua tạm trữ hàng hóa; nghiên cứu chính sách bảo hiểm nông nghiệp, trước hết là bảo hiểm nông sản xuất khẩu.

3.2 Giải pháp đối với các hoạt động chế biến và tiêu thụ nông sản

Thứ nhất. Tiêu chuẩn hóa các hoạt động chế biến nông sản

+ Thúc đẩy đầu tư nâng cấp trang thiết bị chế biến nông sản. Khủng hoảng tài chính vừa qua đã tạo ra nhiều cơ hội để Công nghiệp chế biến Việt Nam đổi mới công nghệ thông qua mua lại công nghệ của các doanh nghiệp chế biến nông sản ở các nước tiên tiến bán ra vì không chịu được khủng hoảng.

+ Nhà nước sớm đưa ra các tiêu chuẩn về nhà xưởng, thiết bị, điều kiện vệ sinh công nghiệp, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường để các nhà chế biến thực hiện, đồng thời quy định các chế tài đủ hiệu lực ngăn chặn vi phạm.

+ Yêu cầu các DN và cơ sở chế biến phải xây dựng và kiểm soát được vùng nguyên liệu của mình trong quá trình kinh doanh.

Giải pháp này xuất phát từ tính chất đặc thù của sản xuất nông nghiệp phải gắn với chế biến để tăng năng lực cạnh tranh và giá trị. Hiện nay

hai khâu này vẫn tách rời nhau và thị trường không làm được chức năng là sợi dây kết nối. Chính vì vậy, khủng hoảng đã khoét sâu thêm những bất cập trong mối quan hệ này và làm nảy sinh tình trạng tranh mua nguyên liệu, mua bán không minh bạch. Hậu quả là cả nông dân và các cơ sở chế biến đều rơi vào thua thiệt⁴.

Để kết nối được với nông dân thì các cơ sở chế biến phải có cơ chế quan hệ lâu dài với các hộ và trang trại sản xuất nguyên liệu trên từng vùng cụ thể, cùng với họ xây dựng vùng nguyên liệu và thực hiện phân chia thỏa đáng lợi ích giữa cả 3 khâu: sản xuất nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm làm ra.

Thư hai. Giải pháp đối với các dịch vụ thị trường nông sản

+ Mở rộng hoạt động và hình thức xúc tiến, quảng bá thương hiệu sản phẩm nông nghiệp. Làm cho các doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam phải quan tâm tới quảng cáo, giới thiệu sản phẩm và chăm sóc khách hàng để khi xảy ra khủng hoảng vẫn giữ được khách hàng/

+ Tạo dựng nguồn gốc hàng hóa nông sản.

Các hiệp hội ngành hàng cần giúp thành viên của mình đưa ra thị trường các sản phẩm có nguồn gốc, thương hiệu, bao bì hợp vệ sinh. Không đưa ra thị trường những sản phẩm kém chất lượng, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, làm ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người tiêu dùng và uy tín của toàn ngành sản phẩm.

+ Kiểm soát chặt chẽ và xử lý triệt để các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lưu thông trên thị trường

Vài lời kết

1. Ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu tới nông nghiệp Việt Nam là tiêu cực, nhưng mức độ chưa lớn do Việt Nam chưa tham gia sâu vào các chuỗi giá trị nông sản toàn cầu, phần lớn nông sản Việt Nam được bán ra thị trường ở dạng nguyên liệu thô, giá trị gia tăng thấp, khó nâng lên. Để khắc phục yếu điểm này Việt Nam phải thay đổi chiến lược xuất khẩu nông sản từ nguyên liệu sang thành phẩm với công nghệ chế biến hiện đại để

⁴ Theo Hiệp Hội chè Việt Nam ở vùng nguyên liệu chè Phú Thọ có 4800ha với sản lượng 30.700 tấn chè búp do công ty chè Phú Bền thực hiện bao tiêu và chế biến từ nhiều năm qua. Nhưng vài năm gần đây đã xuất hiện 49 cơ sở chế biến mới với tổng công suất 544 tấn/ ngày, vượt quá khả năng cung cấp của vùng, từ đó xảy ra tình trạng tranh chấp quyết liệt về nguyên liệu giữa các cơ sở chế biến trên vùng.

tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị nông sản toàn cầu, hưởng thụ lớn hơn phần giá trị gia tăng từ chuỗi này. Nhưng quá trình này sẽ nảy sinh rủi ro dưới tác động tiêu cực nhiều nhân tố, trong đó có nhân tố khủng hoảng tài chính.

Khủng hoảng tài chính toàn cầu từ giữa năm 2008 đã là nhân tố làm rõ thêm những điểm yếu của nông nghiệp Việt Nam hiện nay

2. Các giải pháp đã kiến nghị chủ yếu nhằm vào dài hạn, tạo ra năng lực cạnh tranh cao hơn để khắc phục những tác động tiêu cực của thất bại thị trường và những rủi ro khó dự báo trước. Tuy nhiên đó là những giải pháp cơ bản, lâu dài để phát triển nông nghiệp bền vững hơn trong điều kiện có những tác động xấu nói chung của thị trường, vì vậy cần được triển khai ngay.

3. Để giúp nông dân khắc phục những tác động xấu của khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện nay, Nhà nước cần có biện pháp mở rộng và nâng cao hiệu quả của nhiều chính sách, trong đó chính sách quan trọng là cho nông dân vay tín dụng dài hạn hơn, lãi suất ưu đãi hơn để nông dân có tiền tiêu dùng và tiền để tiếp tục đầu tư vào sản xuất vượt qua cơn khủng hoảng, nhất là đối với những hộ còn đang nghèo, tích lũy chưa đủ để trang trải nhu cầu cuộc sống của họ hiện nay.

Đó là giải pháp cần thiết mà Nhà nước cần làm và chỉ Nhà nước mới có thể làm được./.

Tài liệu tham khảo.

1. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế TW- Cơ quan phát triển quốc tế Thụy Điển; « *Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến sản xuất và tiêu thụ một số nông sản ở Việt Nam qua nghiên cứu trường hợp chè, cà phê, điều* »; NXB Chính trị Quốc gia; Hà Nội 2006.
2. Bộ NN và PTNT; « *Báo cáo đánh giá tác động của khủng hoảng tài chính, tín dụng thế giới đến nông nghiệp Việt nam* »; Hà nội 11/2008.
3. TS. Chu Tiến Quang “ *Những rủi ro đối với người nghèo từ chính sách tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo*”; tham luận tại hội thảo về " Xóa đói giảm nghèo theo hướng phát triển bền vững ở nước ta hiện

nay"; Tạp chí cộng sản và Bộ Lao động thương binh và xã hội ; Hà
nội ngày 5/4/2006;

4. Agroinfo, báo cáo thường niên nông nghiệp 2008 và triển vọng 2009
5. Viện NCQLKTTW, Dự thảo báo cáo kinh tế Việt nam 2009
